

Số: 10/QĐ-DSG-TĐKT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v cấp học bổng học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 cho khóa tuyển sinh 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg ngày 06/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Dân lập Công Nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 4488/QĐ-BGDĐT ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-DSG-HBTS ngày 26/12/2019 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc ban hành Chính sách học bổng tuyển sinh 2020;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-DSG-TĐKT ngày 18/06/2021 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc cấp học bổng học kỳ 2 năm học 2020 - 2021;

Căn cứ kết quả học tập học kỳ 2 năm học 2020 - 2021;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Học bổng tuyển sinh khóa 2020 được duy trì liên tục và cấp trong học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 cho những sinh viên có tên tại Điều 2, Điều 3 và Điều 4 của Quyết định này. Tổng giá trị học bổng được cấp trong đợt xét này là **765.992.000 đồng** (bằng chữ: bảy trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Điều 2.

- 1.1 Cấp học bổng trị giá bằng 100% học phí học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 cho bốn mươi chín (49) sinh viên đại học hệ chính quy khóa 2020 vì thỏa điều kiện xét học bổng theo Điều 1 Quyết định số 97/QĐ-DSG-TĐKT ngày 18/06/2021 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
- 1.2 Học bổng được duy trì liên tục và kéo dài trong bốn năm (chỉ xét học kỳ chính) với điều kiện sinh viên phải có điểm trung bình học tập từng học kỳ $\geq 7,0$ điểm.
- 1.3 Học kỳ 2 năm học 2023 - 2024 là đợt xét học bổng cuối cùng đối với sinh viên có tên thuộc Điều 2.

(Danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 3.

- 2.1 Cấp học bổng trị giá bằng 100% học phí học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 cho một (1) sinh viên đại học chính quy khóa 2020 vì thỏa điều kiện xét học bổng theo Điều 2 Quyết định số 97/QĐ-DSG-TĐKT ngày 18/06/2021 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

- 2.2 Học bổng được duy trì liên tục và kéo dài trong bốn năm (chỉ xét học kỳ chính) với điều kiện sinh viên phải có điểm trung bình học tập từng học kỳ $\geq 7,0$ điểm.
- 2.3 Học kỳ 2 năm học 2023 - 2024 là đợt xét học bổng cuối cùng đối với sinh viên có tên thuộc Điều 3.

(Danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 4.

- 3.1 Cấp học bổng trị giá bằng 50% học phí học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 cho hai mươi ba (23) sinh viên đại học chính quy khóa 2020 vì thỏa điều kiện xét học bổng theo Điều 3 Quyết định số 97/QĐ-DSG-TĐKT ngày 18/01/2021 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
- 3.2 Học bổng được duy trì liên tục và kéo dài trong bốn năm (chỉ xét học kỳ chính) với điều kiện sinh viên phải có điểm trung bình học tập từng học kỳ $\geq 7,0$ điểm.
- 3.3 Học kỳ 2 năm học 2023 - 2024 là đợt xét học bổng cuối cùng đối với sinh viên có tên thuộc Điều 4.

(Danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 5. Các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Lưu: PĐT, YT (4).



HIỆU TRƯỞNG

***PGS, TS. Cao Hào Thi**

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 - 2022
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY - KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-DSG-TĐKT ngày 20/01/2022)

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | TÊN LỚP | ĐTB HK2 (20-21) | GHI CHÚ |
|---|------------|-------------------|--------|------------|-----------|--------------------|---------|
| Điều 1: Cấp học bổng trị giá bằng 100% học phí học kỳ 1 năm học 2021 - 2022, gồm 49 sinh viên: | | | | | | | |
| 1 | DH32006402 | Trương Lâm Nhật | Tiến | 29/06/2002 | D20_DDT02 | 7,44 | |
| 2 | DH52006823 | Nguyễn Huỳnh Quốc | Việt | 27/05/2002 | D20_TH05 | 8,96 | |
| 3 | DH52005922 | Trương Thành | Lập | 22/01/2002 | D20_TH07 | 7,09 | |
| 4 | DH52005662 | Phạm Ngọc Nhân | Ái | 18/09/2002 | D20_TH08 | 7,43 | |
| 5 | DH52005724 | Lê Mai Nhật | Duy | 31/08/2002 | D20_TH08 | 7,52 | |
| 6 | DH52005851 | Nguyễn Tấn | Huy | 10/12/2002 | D20_TH08 | 7,00 | |
| 7 | DH52006042 | Lê | Quang | 11/10/2002 | D20_TH08 | 8,35 | |
| 8 | DH52005051 | Đặng Trung | Trực | 26/08/2002 | D20_TH08 | 7,09 | |
| 9 | DH52005738 | Hồ Khánh | Dương | 01/07/2002 | D20_TH09 | 8,00 | |
| 10 | DH52006097 | Văn Bảo | Tâm | 18/07/2002 | D20_TH09 | 8,74 | |
| 11 | DH52006111 | Phan Đức | Tiến | 07/02/2002 | D20_TH09 | 8,17 | |
| 12 | DH52006213 | Đặng Ngọc Bảo | Trân | 07/10/2002 | D20_TH09 | 7,57 | |
| 13 | DH52006237 | Nguyễn Trần Văn | Uyển | 01/08/2002 | D20_TH09 | 7,00 | |
| 14 | DH52005906 | Nguyễn Đăng | Khoa | 19/05/2002 | D20_TH10 | 8,43 | |
| 15 | DH52006168 | Hồ Việt | Thắng | 11/01/2002 | D20_TH10 | 8,30 | |
| 16 | DH52006150 | Nguyễn Thanh | Tùng | 01/12/2002 | D20_TH10 | 8,04 | |
| 17 | DH52005758 | Nguyễn Vũ Ân | Điện | 15/12/1999 | D20_TH11 | 7,00 | |
| 18 | DH52006863 | Vũ Minh | Đức | 01/02/2002 | D20_TH11 | 8,00 | |
| 19 | DH52006862 | Lê Huỳnh Hoàn | Hào | 13/02/2002 | D20_TH11 | 7,96 | |
| 20 | DH52007011 | Thạch Ngọc Gia | Huy | 02/03/2002 | D20_TH11 | 8,30 | |
| 21 | DH52007074 | Phan Hiếu | Lâm | 11/01/2002 | D20_TH11 | 7,48 | |
| 22 | DH52006904 | Đặng Xuân | Sang | 21/01/2002 | D20_TH11 | 7,00 | |
| 23 | DH72003265 | Đào Thị Phương | Thảo | 12/07/2002 | D20_QT04 | 7,56 | |
| 24 | DH72005562 | Nguyễn Trung | Thuận | 22/12/2002 | D20_QT06 | 7,67 | |
| 25 | DH72005421 | Lê Ngọc Tuyết | Nhi | 22/02/2002 | D20_QT08 | 7,44 | |
| 26 | DH72005630 | Phạm Nguyễn Ngọc | Vân | 28/01/2002 | D20_QT08 | 7,94 | |
| 27 | DH72005224 | Phạm Thị Thúy | Dương | 20/02/2002 | D20_QT09 | 7,06 | |
| 28 | DH72005345 | Giang Hải | Luân | 13/05/2002 | D20_QT09 | 7,06 | |
| 29 | DH72005368 | Lê Hoàng | Mỹ | 22/10/2002 | D20_QT09 | 7,22 | |
| 30 | DH72005411 | Trần Phương | Nguyễn | 28/10/2002 | D20_QT09 | 7,44 | |
| 31 | DH72005575 | Nguyễn Thị Vân | Thy | 22/10/2002 | D20_QT09 | 7,72 | |
| 32 | DH72005206 | Tăng Kiệt | Dinh | 12/08/2002 | D20_QT10 | 7,67 | |
| 33 | DH72005470 | Phan Đặng Hoàng | Quốc | 29/07/2002 | D20_QT10 | 7,06 | |

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 - 2022
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY - KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-DSG-TĐKT ngày 20/01/2022)

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | TÊN LỚP | ĐTB HK2 (20-21) | GHI CHÚ |
|---|------------|-------------------------|------------|-----------|--------------------|---------|
| 34 | DH72005598 | Phạm Như Trí | 28/11/2002 | D20_QT10 | 7,61 | |
| 35 | DH72005657 | Trần Thị Mỹ Xuyên | 17/09/2002 | D20_QT10 | 7,61 | |
| 36 | DH72006818 | Nguyễn Thị Vân Anh | 26/07/2002 | D20_QT11 | 7,72 | |
| 37 | DH72005369 | Lê Thị Kim Mỹ | 18/06/2002 | D20_QT11 | 8,61 | |
| 38 | DH72006941 | Đỗ Thái Nam | 26/07/2002 | D20_QT11 | 7,94 | |
| 39 | DH72006875 | Nguyễn Thị Ngọc Ngân | 10/11/2002 | D20_QT11 | 7,22 | |
| 40 | DH72006602 | Huỳnh Trung Nghĩa | 17/09/2002 | D20_QT11 | 7,94 | |
| 41 | DH72006670 | Huỳnh Thị Yến Nhi | 04/11/2002 | D20_QT11 | 8,50 | |
| 42 | DH72006960 | Lê Thị Ánh Nhi | 04/04/2002 | D20_QT11 | 8,06 | |
| 43 | DH72006617 | Mai Huỳnh Thanh Thảo | 23/08/2002 | D20_QT11 | 8,28 | |
| 44 | DH72006955 | Lê Thị Hồng Trang | 13/01/2002 | D20_QT11 | 8,11 | |
| 45 | DH72006597 | Nguyễn Ngọc Bảo Châu | 21/10/2002 | D20_QT12 | 7,67 | |
| 46 | DH72006587 | Trần Duy Đức | 11/04/2002 | D20_QT12 | 7,94 | |
| 47 | DH72007132 | Đặng Nguyễn Khánh Hà | 17/06/2002 | D20_QT12 | 8,06 | |
| 48 | DH72006870 | Nguyễn Thị Thảo Nguyên | 24/08/2002 | D20_QT12 | 8,06 | |
| 49 | DH82006542 | Võ Thanh Lộc | 01/05/2002 | D20_XD02 | 8,50 | |
| Điều 2: Cấp học bổng trị giá bằng 100% học phí học kỳ 1 năm học 2021 - 2022, gồm 01 sinh viên: | | | | | | |
| 1 | DH12004075 | Huỳnh Ngọc Hải | 30/05/2002 | D20_CDT02 | 7,17 | |
| Điều 3: Cấp học bổng trị giá bằng 50% học phí học kỳ 1 năm học 2021 - 2022, gồm 23 sinh viên: | | | | | | |
| 1 | DH32006367 | Lê Trung Hiếu | 22/01/2002 | D20_DDT02 | 7,56 | |
| 2 | DH32006374 | Trần Anh Tuấn Kiệt | 16/08/2002 | D20_DDT02 | 8,24 | |
| 3 | DH52006020 | Võ Hoàng Phi | 05/01/2002 | D20_TH08 | 7,35 | |
| 4 | DH52006061 | Trương Hoàng Quốc | 30/09/2002 | D20_TH08 | 7,13 | |
| 5 | DH52006075 | Nguyễn Văn Sinh | 28/09/2002 | D20_TH08 | 8,30 | |
| 6 | DH52006102 | Phan Thanh Tân | 19/07/2002 | D20_TH08 | 7,22 | |
| 7 | DH52005383 | Đặng Thị Kim Ngân | 24/08/2002 | D20_TH09 | 7,04 | |
| 8 | DH52005828 | Nguyễn Văn Hoàng | 30/10/2002 | D20_TH10 | 7,00 | |
| 9 | DH52006088 | Nguyễn Lê Minh Tài | 15/03/2002 | D20_TH10 | 7,70 | |
| 10 | DH52006177 | Nguyễn Khắc Thế | 13/01/2002 | D20_TH10 | 7,09 | |
| 11 | DH72005625 | Ngô Gia Văn | 06/10/2002 | D20_QT09 | 7,44 | |
| 12 | DH72005240 | Trương Minh Quỳnh Giang | 07/07/2002 | D20_QT10 | 7,00 | |
| 13 | DH72005354 | Trần Thị Thanh Mai | 06/11/2002 | D20_QT10 | 7,28 | |
| 14 | DH72005429 | Nguyễn Thị Mỹ Nhung | 21/01/2002 | D20_QT10 | 7,33 | |
| 15 | DH72005544 | Nguyễn Kim Phương Thảo | 12/03/2002 | D20_QT10 | 7,61 | |

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 - 2022
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY - KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-DSG-TĐKT ngày 20/01/2022)

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | TÊN LỚP | ĐTB HK2 (20-21) | GHI CHÚ |
|-----|------------|----------------------------|------------|-----------|--------------------|---------|
| 16 | DH72005612 | Trần Thị Mỹ Trình | 19/12/2002 | D20_QT10 | 7,33 | |
| 17 | DH72006633 | Nguyễn Minh Tuấn | 23/01/2002 | D20_QT10 | 7,06 | |
| 18 | DH72006934 | Nguyễn Hoài Ly | 12/04/2002 | D20_QT11 | 8,11 | |
| 19 | DH72005451 | Phan Hoàng Gia Phúc | 23/06/2002 | D20_QT11 | 8,22 | |
| 20 | DH72006936 | Vũ Thị Quyên | 02/01/2002 | D20_QT11 | 8,00 | |
| 21 | DH72007108 | Nguyễn Huỳnh Thảo Hương | 18/01/2002 | D20_QT12 | 8,33 | |
| 22 | DH92005122 | Trần Văn Quân | 23/09/2000 | D20_TK3DH | 8,16 | |
| 23 | DH92005148 | Lê Thị Ngọc Trâm | 05/02/2002 | D20_TK3DH | 7,79 | |

Tp. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2022

Hiệu trưởng



★PGS. TS. Cao Hào Thi

